|  |  |
| --- | --- |
| **M· KÝ HIÖU: …..** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**  **HỌC KÌ II**  **Líp 6 - Năm học: 2021- 2022**  **M¤N: NG÷ V¡N** |

**Ma trËn ®Ò kiÓm tra**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Møc ®é**  **Chñ ®Ò** | **NhËn biÕt**  (nêu, chỉ ra, gọi tên, nhận biết…) | **Th«ng hiÓu**  (hiểu, phân tích, cắt nghĩa, giải thích…) | **Vận dụng**  (Thấp, cao) | **Céng** |
| **I/ Phần đọc- hiểu**  ***(4 điểm)*** | - Nhận diện thể loại VB, đặc điểm thể loại. | - Nhận diện và phân biệt từ láy, từ ghép.  - Biện pháp tu từ, tác dụng. | - Liên hệ bản thân, xác định thái độ và hành động đúng đắn cho bản thân. |  |
| Số câu | 2 câu | 2 câu | 1 câu | 5 câu |
| Số điểm | 1 điểm | 2 điểm | 1.0 điểm | 4.0 điểm |
| Tỉ lệ % | 10 % | 10 % | 20 % | 40 % |
| **II/ Phần tạo lập văn bản**  ***(8 điểm)*** |  |  | Viết một bài văn kể chuyện hoàn chỉnh |  |
| Số câu |  |  | 1 câu | 1 câu |
| Số điểm |  |  | 6.0 điểm | 6.0 điểm |
| Tỉ lệ % |  |  | 60 % | 60 % |
| **Tổng** | | | | |
| **Số câu** | **2 câu** | **2 câu** | **2 câu** | **6 câu** |
| **Số điểm** | **1.0 điểm** | **2.0 điểm** | **7.0 điểm** | **10 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | **10 %** | **20 %** | **70 %** | **100 %** |

|  |  |
| --- | --- |
| **M· KÝ HIÖU: …….** | **ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HẾT HỌC KÌ II**  **Líp 6 - Năm học: 2021 - 2022**  **M¤N: NG÷ V¡N**  (Đáp án đề kiểm tra gồm 4 câu 3 trang) |

**ĐÁP ÁN- BIỂU ĐIỂM:**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức**  **độ Câu** | **Mức độ 3** | **Mức độ 2** | **Mức độ 1** |
| 1 | **Cho 0,5đ khi trả lời đúng, đủ các ý sau:** (mỗi ý đúng 0,25 điểm)  -Đoạn trích được trích trong văn bản *”Bài học đường đời đầu tiên”*  -Tác giả Tô Hoài. | - Trả lời đúng nhưng chưa đầy đủ | Trả lời sai hoặc không trả lời |
| 2 | **Cho 0,5đ khi trả lời đúng, đủ các ý sau:** (mỗi ý đúng 0,25 điểm)  -Đoạn trích được kể bằng ngôi thứ nhất.  -Người kể xưng ”tôi” kể chuyện | - Trả lời đúng nhưng chưa đầy đủ | Trả lời sai hoặc không trả lời |
| 3 | **Cho 1đ khi trả lời đúng, đủ các ý sau:**  + Các câu văn có sử dụng phép tu từ so sánh để miêu tả hoạt động của Dế Mèn trong đoạn trích trên là: *Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*  *+*Tác dụng :  - Khiến cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn.  - Cho thấy độ sắc và bén của hai cái răng của Dế Mèn , nó có thể nhai đứt và làm gãy cỏ một cách nhanh gọn và dễ dàng.  - Thể hiện tài năng miêu tả sinh động và cách liên tưởng độc đáo của tác giả. | - Trả lời đúng nhưng chưa đầy đủ  (0,5đ) | Trả lời sai hoặc không trả lời |
| 4 | ***HS chỉ ra đúng, đủ các từ ghép và từ láy, mỗi ý trả lời đúng được 0,5 điểm.***  -Từ ghép: *lợi hại, ưa nhìn*, *lưỡi liềm,làm việc*, *ngọn cỏ*, *gẫy rạp*, *hãnh diện, khoan thai.*  *-* Từ láy: *phanh phách*, *thỉnh thoảng*, *bách bộ, hủn hoẳn*, *trịnh trọng* , *giòn giã*, *rung rinh*, *ngoàm ngoạp* , *phành phạch* | - Trả lời đúng nhưng chưa đầy đủ  (0,5đ) | Trả lời sai hoặc không trả lời |
| 5 | ***HS nêu ra các bài học, mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.***  - Không nên kiêu căng, huênh hoang tự mãn.  - Biết thông cảm và chia sẻ, giúp đỡ người khác.  - Biết suy nghĩ và cân nhắc trước khi làm một việc gì.  - Biết nhận ra lỗi lầm của bản thân và sửa lỗi. | Nếu trả lời chưa đủ ý hoặc phương án trả lời không hợp lí | Trả lời sai hoặc không trả lời |

**PHẦN II .VIẾT (6 điểm)**

Lưu ý : HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải hợp lí và có sức thuyết phục.

**Câu 2 : (6 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| MỞ BÀI  (0,5 điểm) | 0,5 điểm:  Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm  Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc. | 0,25 điểm  - Giới thiệu chưa thật ấn tượng, còn mắc lỗi diễn đạt. | 0 điểm  - Không viết mở bài. |
| THÂN BÀI  (4,0điểm) | - Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  - Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan.  - Trình bày các sự việc theo trình tự rõ ràng, hợp lí.  (Kết hợp kể và tả. Sự việc này nối tiếp sự việc kia một cách hợp lí). | 1,5- 2,5 điểm  - Cơ bản đảm bảo được các nội dung ở mức 1, song diễn đạt còn vụng về, thiếu hấp dẫn, sinh động, gợi cảm, thuyÕt phôc... | 1- 1,5 điểm  - Không đảm bảo được các nội dung ở mức 1 |
| KẾT BÀI  (0,5 điểm) | 0,5 điểm  Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân. | 0,25 điểm  - Nêu được nhưng thiếu sức hút. | 0,0 điểm  - Không viết kết bài; viết kết bài nhưng không đạt yêu cầu |
| HÌNH THỨC, NGÔN NGỮ DIỄN ĐẠT  (0,5 điểm) | 0,5 điểm  - Bố cục ba phần rõ ràng, trình bày sạch đẹp.  - Sử dụng ngôn từ chính xác, trong sáng, viết câu chuẩn ngữ pháp, chính tả.  - Diễn đạt trôi chảy. | 0,25 điểm  - Bố cục ba phần rõ ràng.  - Sử dụng ngôn từ chính xác, trong sáng, viết câu chuẩn ngữ pháp, nhưng còn mắc lỗi chính tả và ngữ pháp.  - Diễn đạt khá trôi chảy. | 0,0 điểm  Sai chính tả, dùng từ thiếu chính xác, câu sai ngữ pháp (từ 10 lỗi trở lên).  - Diễn đạt lủng củng, vụng về. |
| QUAN ĐIỂM, THÁI ĐỘ, CẢM XÚC  ( 0,25 điểm) | 0,25 điểm  - Biết làm một bài văn kể chuyện  - Bài văn sinh động, cảm xúc chân thành, tươi vui, trong sáng | 0,125 điểm  - Biết làm một bài văn kể chuyện  . | 0,0 điểm  - Không biết làm một bài văn kể chuyện  - Văn viết không có cảm xúc. |
| SÁNG TẠO  (0,25 điểm) | 0,25 điểm  - HS bộc lộ sự sáng tạo trong cách viết, cách trình bày, cách diễn đạt, tư duy… | 0,125 điểm  - HS bộc lộ phần nào sự sáng tạo trong cách viết, cách trình bày, cách diễn đạt, tư duy… | 0,0 điểm  - HS không bộc lộ sự sáng tạo trong cách viết, cách trình bày, cách diễn đạt, tư duy… |